



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13** /BC-UBND

Gia Lai, ngày **21** tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm
và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2025 của HĐND tỉnh khoá XII, nhiệm kỳ 2021 - 2026; UBND tỉnh báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

Tỉnh Gia Lai có 3.270.279 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) 809.628 người, chiếm khoảng 24,76% dân số toàn tỉnh (Gia Lai Tây có 44 thành phần DTTS, Gia Lai Đông có 39 thành phần DTTS), trong đó chủ yếu là các dân tộc Jrai, Chăm, Bahnar, H'rê.¹

Giai đoạn 2021-2025: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc:

- Gia Lai Tây có 176 xã thuộc vùng đồng bào DTTS&MN, trong đó: 104 xã khu vực I, 29 xã khu vực II, 43 xã khu vực III và 384 thôn, làng đặc biệt khó khăn. Sau sáp nhập, vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN được phân bổ về 72 xã, phường/77 xã, phường.

- Gia Lai Đông có 22 xã khu vực III và 116 thôn, làng đặc biệt khó khăn. Sau sáp nhập, vốn thực hiện Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN được phân bổ về 16 xã, phường/58 xã, phường.

Trên địa bàn tỉnh có 07 xã biên giới và 01 xã căn cứ địa cách mạng², với khoảng 90km đường biên giới quốc gia giáp Campuchia.

¹ - Gia Lai Tây: Dân số 1.660.576 người, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 767.149 người chiếm 46,20% (dân tộc Jrai chiếm 29,64%, dân tộc Bahnar chiếm 12,90%, các dân tộc khác chiếm 3,66%); Tổng số hộ nghèo 23.852 hộ, chiếm tỷ lệ 6,06% tổng số hộ dân trên địa bàn. Trong đó, số hộ nghèo đồng bào DTTS/tổng số hộ DTTS 21.317 hộ/168.440 hộ, chiếm tỷ lệ 12,7%; Tổng số hộ cận nghèo 34.526 hộ, chiếm tỷ lệ 8,77% tổng số hộ dân trên địa bàn. Trong đó, số hộ cận nghèo đồng bào DTTS/ tổng số hộ DTTS 27.653 hộ/168.440 hộ, chiếm tỷ lệ 16,4% tổng số hộ cận nghèo;

- Gia Lai Đông: Dân số 1.609.703 người, có 39 thành phần DTTS sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 42.479 người chiếm khoảng 2,64% (dân tộc Bahnar chiếm khoảng 1,35%, dân tộc H'rê chiếm khoảng 0,69%, dân tộc Chăm chiếm khoảng 0,39%, các dân tộc khác chiếm khoảng 0,21%). Tổng số hộ nghèo 4.517 hộ, chiếm tỷ lệ 1,01% tổng số hộ dân trên địa bàn. Trong đó, số hộ nghèo đồng bào DTTS/tổng số hộ DTTS 1.945 hộ/11.696 hộ, chiếm tỷ lệ 16,6%; Tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh 9.704 hộ, chiếm tỷ lệ 2,18% tổng số hộ dân trên địa bàn. Trong đó, số hộ cận nghèo đồng bào DTTS/ tổng số hộ DTTS 1.503 hộ/11.696 hộ, chiếm tỷ lệ 12,9% tổng số hộ cận nghèo.

² Gồm: xã Ia O, xã Ia Chía, xã Ia Dom, xã Ia Nan và xã Ia Mơ (xã khu vực I); xã Ia Pnôn, xã Ia Púch (xã khu vực II) và 01 xã căn cứ địa cách mạng là xã Krong.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Đánh giá kết quả, giải pháp tham mưu chỉ đạo, điều hành

Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ (đã được điều chỉnh tại Quyết định số 920/QĐ-TTg ngày 14/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ). UBND tỉnh ban hành tương đối đầy đủ các văn bản pháp lý về chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện, phân bổ vốn; quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh; quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ;... để các đơn vị, địa phương được giao vốn có cơ sở triển khai thực hiện.

Chỉ đạo triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, quyết định, chỉ thị, văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc và các nhiệm vụ khác có liên quan.

Chỉ đạo các sở, ngành và các địa phương liên quan chủ động nắm tình hình an ninh chính trị, đời sống trong vùng đồng bào DTTS, tôn giáo; đồng thời, tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của người dân trong việc chấp hành tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; quản lý có hiệu quả các chương trình, dự án được giao; chuẩn bị tốt các điều kiện để tổ chức các cuộc kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình, tiến độ thực hiện các chính sách dân tộc. Đồng thời, ban hành các văn bản triển khai thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc theo quy định.

2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh

- Hoàn thành Đề án sắp xếp Sở Dân tộc và Tôn giáo: Số biên chế có mặt đến ngày 05/7/2025: **43** biên chế, trong đó: 01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc, 03 Trưởng phòng, 07 phó Trưởng phòng, có 03 phòng chuyên môn (*Văn phòng Sở 12 biên chế, Phòng Dân tộc 15 biên chế, Phòng Tôn giáo 12 biên chế*) và 06 hợp đồng lao động (*gồm 03 nhân viên lái xe, 01 nhân viên tạp vụ, 02 nhân viên bảo vệ*), cụ thể:

+ 01 Giám đốc bổ nhiệm mới.

+ Số biên chế của Sở Dân tộc và Tôn giáo của tỉnh Gia Lai (cũ) chuyển xuống: **22** biên chế, trong đó: 01 Phó Giám đốc, 01 Trưởng phòng, 02 phó Trưởng phòng, 18 chuyên viên và 01 nhân viên lái xe.

+ Số biên chế của Sở Dân tộc và Tôn giáo của tỉnh Bình Định có: **20** biên chế, trong đó: 02 Phó Giám đốc, 02 Trưởng phòng, 05 phó Trưởng phòng và 11 chuyên viên và 05 hợp đồng lao động (*nhân viên lái xe 02, tạp vụ 01, bảo vệ 02*).

- Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Gia Lai;

- Hoàn thành Hội nghị tổng kết ngành năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025; chỉ đạo Sở Dân tộc và Tôn giáo triển khai thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn tỉnh năm 2025; xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025 và một số nhiệm vụ khác có liên quan³;

Tổ chức kiểm tra kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024 và tiến độ thực hiện năm 2025 trên địa bàn huyện thụ hưởng Chương trình. Có văn bản gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề xuất, kiến nghị một số nội dung với kỳ họp thứ 9 Quốc hội khoá XV và một số báo cáo theo quy định⁴;

Hoàn thành việc tổ chức tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2025

1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025, năm 2025 và vốn năm 2022, 2023, 2024 chuyển sang

- **Tổng kế hoạch vốn năm 2025: 1.651.339 triệu đồng** (Gia Lai Đông: 276.503 triệu đồng; Gia Lai Tây: 1.374.836 triệu đồng)

+ Vốn đầu tư phát triển: 914.961 triệu đồng (Gia Lai Đông: 137.130 triệu đồng; Gia Lai Tây: 777.831 triệu đồng);

+ Vốn sự nghiệp: 736.378 triệu đồng (Gia Lai Đông: 139.373 triệu đồng; Gia Lai Tây: 597.005 triệu đồng).

- Kết quả giải ngân các nguồn vốn ngân sách nhà nước

Giải ngân tổng kế hoạch vốn năm 2025: 318.676/1.651.399 triệu đồng (Gia Lai Đông: 42.674 triệu đồng; Gia Lai Tây: 276.002 triệu đồng); đạt tỷ lệ 19,3%; trong đó⁵:

³ Hợp đồng với Bảo Dân tộc và Phát triển Số cuối của tháng để cấp cho người có uy tín theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, năm 2025; Hoàn thành Kế hoạch tổ chức Hội thi tìm hiểu pháp luật về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Ban hành kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 26/02/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 32-CTr/TU ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

⁴ Báo cáo tiến độ triển khai xóa nhà tạm, nhà dột nát tại địa phương và rà soát nhu cầu xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp; Báo cáo đánh giá cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 và Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ; Báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

⁵ Tỉnh Gia Lai Tây: Giải ngân 276.002/1.374.436 triệu đồng, đạt tỷ lệ 20,1% so với kế hoạch; Gia Lai Đông giải ngân 42.674/276.503 triệu đồng; đạt tỷ lệ 15,4% so với kế hoạch.

- Vốn đầu tư phát triển: 279.475/914.961 triệu đồng (Gia Lai Đông: 41.714 triệu đồng; Gia Lai Tây: 237.761 triệu đồng); đạt tỷ lệ 30,5%

- Vốn sự nghiệp: 39.201/736.378 triệu đồng (Gia Lai Đông: 960 triệu đồng; Gia Lai Tây: 38.241 triệu đồng); đạt tỷ lệ 5,3%

*** Kết quả thực hiện từng dự án:** (Có phụ lục số 1, 2, 3 kèm theo).

2. Kết quả thực hiện các chính sách dân tộc khác

- Thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2018 - 2025": Dự toán sử dụng trong năm 2025 là 88 triệu đồng. UBND tỉnh giao Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các sở, ngành và các địa phương tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết Đề án "Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018 - 2025" trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS: Dự toán sử dụng trong năm 2025 là 2.444 triệu đồng, Sở Dân tộc và Tôn giáo đã phối hợp với các địa phương tổ chức tiếp đón, đi thăm và tặng 967 phần quà Tết cho người có uy tín trong đồng bào DTTS, với kinh phí 544,78 triệu đồng, đạt 22,30% kế hoạch;

- Thực hiện Quyết định số 414/QĐ-TTg ngày 12/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ đồng bào DTTS phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS Việt Nam giai đoạn 2019 - 2025": Dự toán sử dụng trong năm 2025 là 2.070 triệu đồng, Sở Dân tộc và Tôn giáo đang phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương triển khai thực hiện;

- Chính sách thực hiện theo Quyết định số 84/2022/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 30/2024/QĐ-UBND ngày 19/7/2024 của UBND tỉnh), cụ thể:

+ Về chính sách cấp muối i-ốt: Kế hoạch vốn cấp năm 2025: 900 triệu đồng. Sở Dân tộc và Tôn giáo đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Thực hiện cấp muối i-ốt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2025; hiện đang triển khai thực hiện các bước tiếp theo;

+ Chính sách hỗ trợ học sinh đi học: Sở Giáo dục và Đào tạo đã hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh đi học;

+ Chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế: Bảo hiểm xã hội tỉnh hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế;

+ Chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai: Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách trợ giá sử dụng giống lúa lai, định mức lượng giống lúa lai cho 01 ha gieo trồng (kg/ha), loại giống trợ

giá. Trong 6 tháng đầu năm, đã hỗ trợ 77.468 kg lúa giống, với kinh phí 5.516 triệu đồng⁶.

+ Chính sách hỗ trợ người có uy tín: Tổng số người có uy tín trên địa bàn tỉnh là 1.088 người (trong đó, sinh sống tại địa bàn Gia Lai Đông là 121 người, sinh sống tại địa bàn Gia Lai Tây là 967 người).

Kế hoạch vốn giao năm 2025 để thực hiện chính sách là: 2.788 triệu đồng, đến nay đã thực hiện tổ chức đi thăm và tặng quà Tết cho 1.088 người có uy tín trong đồng bào DTTS và hợp đồng với Báo Dân tộc và Phát triển Số cuối của tháng để cấp cho Người có uy tín theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ bằng nguồn vốn giao năm 2025.

3. Các chính sách khác

- Thực hiện Chỉ thị số 22/CT-TU ngày 10/12/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường hoạt động giao lưu kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị đồng bằng với các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số”: Các cơ quan, đơn vị đã thực hiện kết nghĩa với các thôn, làng trên địa bàn Gia Lai Đông có 235 cơ quan, đơn vị đã kết nghĩa với 119 thôn (làng). Thông qua công tác kết nghĩa của các cấp, các ngành, đã huy động các nguồn lực hỗ trợ, giúp đỡ vùng đồng bào dân tộc thiểu số triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất,... đồng thời, nâng cao nhận thức, thay đổi cách nghĩ, cách làm, tập quán sản xuất, giúp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh;

- Công tác kết nghĩa giữa các cơ quan, đơn vị vùng đồng bằng kết nghĩa với các thôn, làng vùng dân tộc thiểu số: Thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 05/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác kết nghĩa giữa các cơ quan, đơn vị với thôn, làng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh; trên địa bàn Gia Lai Tây các sở, ban, ngành phụ trách kết nghĩa thường xuyên theo dõi, nắm tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, chính trị tại các thôn, làng được kết nghĩa; kịp thời theo dõi, nắm bắt vấn đề nổi cộm phát sinh trên địa bàn phân công phụ trách; phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, vận động người dân tại các thôn, làng tích cực tham gia lao động sản xuất, phát triển kinh tế gia đình góp phần ổn định cuộc sống. Trong 6 tháng đầu năm 2025, các cơ quan, đơn vị đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà⁷, chăm lo tết cho người dân tại các thôn, làng kết nghĩa với tổng số tiền 159,37 triệu đồng; phối hợp hỗ trợ xây dựng 14 căn nhà⁸; hỗ trợ kinh phí học

⁶ Huyện An Lão (vụ đông xuân, hè thu): 41.382 kg, với số tiền 2.938 triệu đồng; Huyện Hoài Ân (vụ hè thu): 7.498 kg, với số tiền 559 triệu đồng; Huyện Tây Sơn (vụ đông xuân, hè thu): 2.007 kg, với số tiền 149 triệu đồng; Huyện Vân Canh (vụ hè thu): 17.937,5 kg, với số tiền 1.213 triệu đồng; Huyện Vĩnh Thạnh (vụ hè thu): 8.323,7 kg, với số tiền 634 triệu đồng; Huyện Phù Cát (vụ đông xuân, hè thu): 320 kg, với số tiền 21 triệu đồng.

⁷ Các phần quà trao tặng gồm: Bánh kẹo, sữa, nhu yếu phẩm, sách, vở, tiền mặt,....

⁸ Sở Ngoại vụ: hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà, Sở Tài chính: hỗ trợ xây dựng 01 căn nhà, Sở Giao thông vận tải: hỗ trợ xây dựng 10 căn nhà, Sở Kế hoạch và Đầu tư: hỗ trợ xây dựng 02 căn nhà.

tập, trao tặng nhiều suất quà cho các em học sinh và hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn⁹.

IV ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Nhờ sự quan tâm sâu sắc của Trung ương, sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, cùng sự giám sát, đồng hành của HĐND và sự chung sức của Mặt trận, các đoàn thể và toàn thể đồng bào, các chính sách dân tộc trên địa bàn đã được triển khai hiệu quả, đúng trọng tâm. Kết quả là, kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS của tỉnh có nhiều khởi sắc rõ rệt, thể hiện qua các mô hình sản xuất mới và hệ thống hạ tầng được đầu tư. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào DTTS so với tổng số hộ đồng bào DTTS giảm 10,95% (trong đó Gia Lai Đông giảm 44,2%; Gia Lai Tây giảm 8,56%). Bên cạnh đó, bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc được trân trọng bảo tồn và phát huy qua các lễ hội, hoạt động cộng đồng, góp phần củng cố vững chắc khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Cùng với đó, hệ thống chính trị cơ sở ngày càng vững mạnh với đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số được quy hoạch, đào tạo bài bản, ngày càng nâng cao về cả số lượng và chất lượng.

Từ thực tiễn triển khai, có thể khẳng định các nội dung đầu tư và hỗ trợ đã phát huy hiệu quả, tác động trực tiếp, đa chiều đến sự phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội và công cuộc giảm nghèo tại vùng dân tộc và miền núi. Các chương trình đã góp phần làm thay đổi căn bản diện mạo nông thôn, đặc biệt là tại các xã đặc biệt khó khăn, thông qua việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội một cách đồng bộ, có trọng tâm. Đáng chú ý, nhận thức của đồng bào các dân tộc thiểu số đã có sự chuyển biến sâu sắc, thể hiện ở tinh thần chủ động trong phát triển sản xuất, tích cực tham gia học nghề, chung tay xây dựng nông thôn mới và nâng cao ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia đã đóng vai trò là đòn bẩy chiến lược, khơi dậy và huy động tối đa các nguồn lực nội sinh, giải quyết hiệu quả các vấn đề dân sinh bức thiết. Qua đó, các chương trình không chỉ đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo bền vững mà còn góp phần củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động của tôn giáo được chú trọng, công tác vận động quần chúng tín đồ các tôn giáo có sự chuyển biến tích cực. Phần lớn chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo hoạt động tôn giáo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Khó khăn, hạn chế

(1) Khó khăn chung: Bên cạnh những kết quả đạt được, quá trình triển khai, thực hiện công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh 6 tháng đầu năm 2025 cũng gặp không ít khó khăn, vướng mắc đó là: So với mặt bằng chung của tỉnh, vùng dân tộc, nhất là các xã, thôn, làng ở vùng đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn. Khoảng cách chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội và thụ hưởng các dịch

⁹ Trao tặng 01 quỹ khuyến học trị giá 50 triệu đồng, 01 máy tính xách tay cho thôn, làng, hỗ trợ 02 thanh niên đào tạo nghề, hỗ trợ 04 con heo giống, 02 máy cắt chuối,....

vụ cơ bản giữa vùng dân tộc và đô thị còn khá lớn, hộ nghèo là người DTTS còn chiếm tỷ lệ khá cao so với hộ nghèo toàn tỉnh (82,0%); kết quả giảm nghèo chưa bền vững; ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi làm đời sống một bộ phận người dân đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn; chất lượng giáo dục có mặt còn hạn chế; các dịch vụ y tế còn ở mức thấp so với các vùng, miền khác trong tỉnh. Tình hình tội phạm trong đồng bào DTTS còn diễn biến phức tạp, nhất là tội phạm về ma túy, tai nạn giao thông liên quan đến người đồng bào DTTS.

(2) Đối với Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN:

Vốn thực hiện Chương trình năm 2025 Trung ương phân bổ chậm¹⁰ và tại thời điểm triển khai thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp dẫn đến khó khăn trong công tác phân bổ vốn cho các đơn vị, địa phương thực hiện (đến cuối tháng 6 năm 2025 các địa phương mới hoàn tất công tác phân bổ vốn). Do đó, thời gian triển khai thực hiện giải ngân vốn còn lại ngắn, trong giai đoạn đầu sau sát nhập, công tác quản lý, điều hành và trực tiếp triển khai thực hiện bị gián đoạn, các đơn vị cần có thời gian rà soát, nghiên cứu trong công tác tiếp cận nhiệm vụ mới...). Đối với vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh chưa đảm bảo kế hoạch vốn trung hạn đề ra (còn thiếu 129,749 tỷ đồng so với kế hoạch trung hạn¹¹), ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án đầu tư.

Bên cạnh đó, tại một số nội dung, dự án vẫn còn chưa được giải quyết triệt để các khó khăn, vướng mắc, đến nay, các nội dung này vẫn chưa triển khai thực hiện được dẫn đến tỷ lệ giải ngân cả Chương trình đạt thấp, cụ thể như sau:

- **Tại Dự án 1:** Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

Chính phủ chưa phân bổ nguồn vốn vay theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 cho Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh Gia Lai Tây để bố trí cho đối tượng thuộc Chương trình vay vốn do đó ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

- **Tại Nội dung số 01 - Tiểu dự án 2 - Dự án 3:** Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ, một số nhiệm vụ trước đây thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện, như: Nhiệm vụ thành lập Hội đồng thẩm định dự án liên kết theo chuỗi giá trị và Tổ thẩm định dự án sản xuất cộng đồng; thẩm quyền phê duyệt các dự án liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng nay đã được phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện. Do đó, đề nghị điều chỉnh trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của UBND tỉnh Gia Lai giao

¹⁰ Ngày 16/4/2025, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 778/QĐ-TTg về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 của các bộ, cơ quan ở trung ương và các địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; Ngày 13/6/2025, Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Quyết định số 1148/QĐ-TTg về việc giao bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển, kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2025 cho các địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia (đợt 2).

¹¹ Ngân sách cấp tỉnh bố trí còn thiếu 141,984 triệu đồng so với kế hoạch trung hạn, tuy nhiên ngân sách cấp huyện đã đối ứng 12,260 tỷ đồng.

cho UBND cấp xã chủ trì thực hiện, nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tại Nội dung số 03 - Tiểu dự án 2 - Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN

Theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo về nguyên tắc lựa chọn mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh để hỗ trợ, việc triển khai lựa chọn các mô hình phù hợp trên thực tế gặp nhiều khó khăn. Tại nhiều địa phương, chưa có mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh đáp ứng các nguyên tắc trên vì phần lớn các doanh nghiệp, hợp tác xã hiện nay chủ yếu tập trung phát triển sản xuất, kinh doanh tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi. Do đó, đối tượng thực hiện không đảm bảo giải ngân 100% kinh phí được phân bổ.

- Tại Nội dung số 01 - Tiểu dự án 2 - Dự án 5: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

Tại khoản 1 Điều 39 Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo, việc quản lý, cấp chứng chỉ được cấp 01 lần cho học viên hoàn thành khóa học. Tuy nhiên, Học viện Dân tộc và Sở Dân tộc và Tôn giáo (trước đây là Ban Dân tộc) đã tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho cán bộ, công chức của tỉnh từ năm 2018, nên hiện nay số lượng học viên chưa tham gia còn rất ít. Do đó, đối tượng thực hiện không đảm bảo giải ngân 100% kinh phí được phân bổ.

- Tại Nội dung 02 - Tiểu dự án 2 - Dự án 5: Đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học

Một số trường đại học chưa quan tâm, chưa phối hợp trong việc rà soát danh sách sinh viên đang theo học tại trường và ký kết hợp đồng để chi trả cho sinh viên, mặc dù Sở Giáo dục và Đào tạo đã liên hệ và có văn bản đề nghị phối hợp thực hiện.

- Tại Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi

Tại Điểm b, khoản 3 Điều 25 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định: “Đối với trường hợp người lao động đã hoàn thành khóa học, đang chờ xuất cảnh: Cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội hỗ trợ cho đối tượng trên cơ sở hóa đơn hoặc biên lai thu tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực, lý lịch tư pháp và các tài liệu liên quan chứng minh người lao động thuộc đối tượng được hỗ trợ”. Tuy nhiên, hiện nay đa số người lao động không cung cấp được đầy đủ hóa đơn hoặc biên lai thu tiền nên không thể hỗ trợ hoặc mức hỗ trợ không nhiều (bình quân hỗ trợ được 6 triệu đồng).

Chi phí người lao động phải chuẩn bị để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bình quân trên 80 triệu đồng (tùy thị trường). Chi phí này lớn so với thu nhập của người lao động là người DTTS, người kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo. Tuy nhiên, mức hỗ trợ cho người lao động theo quy định còn thấp (bình quân hỗ trợ được 6 triệu đồng) nên chưa thu hút người lao động đăng ký tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Hiện nay, mức hỗ trợ tiền ăn cho người lao động tham gia đào tạo nghề trong thực hiện các Chương trình mục tiêu còn thấp so với thực tế (Theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 của Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền ăn là 30.000 đồng/người/ngày thực học), do đó khó huy động đối tượng tham gia đạt kế hoạch đề ra.

- **Tại dự án 7:** Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

Nội dung hỗ trợ phụ cấp cho cô đỡ thôn bản: theo quy định đối tượng thụ hưởng phải là cô đỡ thôn bản được đào tạo ít nhất 6 tháng thuộc thôn đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên trên địa bàn Gia Lai Tây cô đỡ thôn bản thực hiện Chương trình chưa được qua lớp đào tạo 06 tháng nên không thụ hưởng được chính sách của Chương trình. Ngoài ra, một số đơn vị y tế không đầu thầu được sản phẩm đa vi chất dinh dưỡng cho trẻ em và bà mẹ mang thai, do các nhà cung cấp với hàm lượng vi chất không đạt yêu cầu, dẫn đến không đảm bảo giải ngân 100% kinh phí được phân bổ.

- **Tại Dự án 8:** Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

Dự án 8 có nguồn vốn phân bổ lớn, tuy nhiên các quy định về định mức thực hiện còn thấp dẫn đến tỷ lệ giải ngân vốn thấp. Ngoài ra, việc giải thể cấp huyện, sáp nhập các xã, phường hiện nay làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động triển khai Dự án 8: khó khăn trong xác định địa bàn, cấp thực hiện và đối tượng thụ hưởng các chính sách, nội dung của Dự án 8 (theo Hướng dẫn số 04/HD-ĐCT ngày 28/7/2022 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam hướng dẫn triển khai Dự án 8 "Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em" trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030", giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, Hội LHPN cấp huyện là cấp có nhiệm vụ chủ trì tham mưu và triển khai hoạt động chính của Dự án tại địa phương).

- **Tại Tiểu dự án 2 - Dự án 10:** Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN

Theo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, Gia Lai Tây có 88 xã đủ điều kiện xây dựng điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin. Tính đến nay, đã hoàn thành 77/88 xã, còn 11 xã chưa triển khai. Tuy nhiên, hiện nay thực hiện chủ trương về tổ chức sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã, việc sáp nhập các xã dẫn đến không tiếp tục thực hiện được nguồn vốn theo kế hoạch.

- **Tại Tiểu dự án 3 - Dự án 10:** Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình

Đối với nội dung tập huấn và vận hành phần mềm kiểm tra, giám sát, đánh giá: đến nay Bộ Dân tộc và Tôn giáo chưa ban hành phần mềm kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình. Do đó, nội dung này chưa giải ngân được nguồn vốn phân bổ, kéo thấp tỷ lệ giải ngân toàn Chương trình.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề xuất với các Bộ, ngành Trung ương

- Đối với Ngân hàng chính sách xã hội Trung ương: Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương phối hợp với các Bộ, ngành xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ bố trí vốn vay năm 2025, với kinh phí 19.360 triệu đồng (trong đó Gia Lai Tây 18.860 triệu đồng, Gia Lai Đông 500 triệu đồng) để triển khai thực hiện Dự án 1 theo kế hoạch đề ra.

- Đối với Bộ Tài chính:

+ Đề nghị bổ sung thêm hình thức hỗ trợ theo mức khoán cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (Căn cứ vào hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng); Nâng mức hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để giảm bớt gánh nặng chi phí cho người lao động, thu hút người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Đề nghị xem xét, đề xuất Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức hỗ trợ tiền ăn cho người học thuộc đối tượng thụ hưởng được quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ: từ 30.000 đồng/người lên 50.000 đồng/người/ ngày thực học.

- Đối với Bộ Dân tộc và Tôn giáo:

+ Đề nghị xem xét, bãi bỏ nguyên tắc lựa chọn mô hình khởi nghiệp quy định tại khoản 1, Điều 25, Thông tư số 05/2025/TT-BD TTG ngày 24/6/2025 của Bộ Dân tộc và Tôn giáo cho phù hợp với thực tế tại địa phương.

+ Đề nghị có chương trình bồi dưỡng cập nhật, bổ sung, nâng cao kiến thức cho các học viên đã có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở Giáo dục đại học phối hợp với địa phương rà soát danh sách sinh viên được hỗ trợ đào tạo đang theo học tại trường và phối hợp ký hợp đồng để chi trả chế độ cho sinh viên theo đúng quy định.

- Đối với Bộ Y tế: Đề nghị Bộ Y tế giao đơn vị đầu mối tổ chức mua sắm tập trung và cấp phát sản phẩm đa vi chất theo nhu cầu thực tế của địa phương. Trong trường hợp không tổ chức đấu thầu tập trung, đề nghị Bộ Y tế chỉ đạo cơ quan chuyên môn có hướng dẫn rõ hơn về hàm lượng quy đổi tương đương đối với một số sản phẩm hiện có trên thị trường để phù hợp với quy định.

- Đối với Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam: Đề nghị Trung ương Hội LHPN Việt Nam sớm ban hành hướng dẫn triển khai Dự án 8 để địa phương triển khai thực hiện phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp.

2. Đối với địa phương

- Tiếp tục chỉ đạo Sở Tài chính tham mưu trình cấp có thẩm quyền phân bổ đủ vốn đầu tư phát triển ngân sách tỉnh năm 2025, với kinh phí 129,724 tỷ đồng (phần kinh phí đối ứng Gia Lai Tây) thực hiện Chương trình để đảm bảo kế hoạch đầu tư công trung hạn.

- Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh trình tự, thủ tục lựa chọn dự án hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Điều 3 và Điều 4 của Quyết định số 58/2024/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 giao cho UBND cấp xã chủ trì thực hiện, nhằm bảo đảm phù hợp với quy định tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành hướng dẫn, đôn đốc các địa phương có liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân vốn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, đảm bảo hoàn thành kế hoạch vốn giao.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC DÂN TỘC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

1. Nhiệm vụ trọng tâm

Để thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách dân tộc đạt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 đã đề ra; tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trên các phương diện sau:

1.1. Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện và rà soát sửa đổi, bổ sung (nếu có) Quyết định 1125/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong năm 2025 đối với danh mục nhiệm vụ của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

1.2. Chỉ đạo tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, giám sát giữa các cơ quan đơn vị cấp tỉnh và các địa phương để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc thực hiện chính sách dân tộc nhất là Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giải quyết khó khăn, vướng mắc trong giai đoạn đầu thực hiện chính quyền 02 cấp.

1.3. Chỉ đạo các đơn vị, địa phương hoàn thiện cơ sở dữ liệu, theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp; Rà soát các chính sách đặc thù của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện.

1.4. Rà soát lại các cơ quan, đơn vị phân công kết nghĩa ở các thôn, làng trong công tác tuyên truyền, thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc theo Chỉ thị số 22-CT/TU ngày 10/12/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Tăng cường hoạt động kết nghĩa giữa các địa phương, đơn vị vùng đồng bằng với các địa phương vùng đồng bào dân tộc thiểu số” và Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 05/12/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Gia Lai.

1.5. Chỉ đạo các sở, ban ngành, địa phương rà soát, phân loại hộ nghèo đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số; phân tích nguyên nhân nghèo.

1.6. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác dân tộc do Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao trong thời gian tới.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần tham mưu UBND tỉnh đề xuất, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương có liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của địa phương để việc triển khai Chương trình đạt hiệu quả.

2.2. Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện đúng Quy chế làm việc của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ngành gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

2.3. Phát huy hơn nữa vai trò của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp trong chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc và tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trong thực hiện Chương trình.

2.4. Tăng cường công tác phối hợp, kiểm tra, chỉ đạo, giám sát giữa các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các địa phương; kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp tỉnh, cấp xã nhằm tăng cường hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp để kịp thời chỉ đạo, đôn đốc, nắm bắt, xử lý khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình.

2.5. Rà soát, cân đối bố trí đủ nguồn vốn đối ứng ngân sách địa phương theo quy định, huy động có hiệu quả các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN.

2.6. Chỉ đạo các sở ngành có liên quan phối hợp tham mưu UBND tỉnh, HĐND tỉnh điều chuyển vốn của các nội dung, dự án thành phần còn khó khăn, vướng mắc về cơ chế thực hiện, đối tượng thực hiện không đảm bảo giải ngân kinh phí theo kế hoạch đã phân bổ sang các nội dung, dự án triển khai hiệu quả và điều chuyển vốn từ các đơn vị, địa phương không có khả năng giải ngân sang các đơn vị có nhu cầu để thúc đẩy tiến độ thực hiện và đẩy mạnh giải ngân vốn Chương trình trong 6 tháng cuối năm 2025 đảm bảo theo quy định.

2.7. Các chủ đầu tư được giao thực hiện các nội dung, tiểu dự án, dự án thành phần của Chương trình, phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước để xử lý hồ sơ thanh toán nhanh chóng, kịp thời.

2.8. Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác định kỳ, đột xuất khi có yêu cầu và một số nhiệm vụ khác khi được cấp trên giao.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác dân tộc 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2025 (Báo cáo này thay thế Báo cáo số 03/BC-UBND ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh), UBND tỉnh kính báo cáo HĐND tỉnh.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, C4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Mah Tiệp



PHỤ LỤC SỐ 1

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
NĂM 2025 TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Báo cáo số: 13 /BC- UBND ngày 21 /7/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán được sử dụng trong năm 2025 (gồm vốn chuyển sang 2025 tiếp tục thực hiện và vốn phân bổ 2025)					Dự toán năm trước chuyển sang năm 2025					Vốn phân bổ năm 2025					Giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)		
	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN				
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	
																							1
TỔNG CỘNG	1.651.339	703.383	211.578	671.642	64.736	480.872	131.846	29.026	307.122	12.878	1.170.467	571.537	182.552	364.520	51.858	318.676	212.676	66.799	38.574	627	19,3	30,5	5,3
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	114.730	20.926	62.925	30.566	313	22.990	13.382	5.750	3.545	313	91.740	7.544	57.175	27.021	0	30.063	6.971	22.823	269	0	26,2	35,5	0,9
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	216.069	134.094	81.201	763	12	45.143	30.988	13.808	336	12	170.926	103.106	67.393	427	0	86.179	48.182	37.998	0	0	39,9	40,0	0,0
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	223.830	0	0	209.225	14.605	55.068	0	0	51.751	3.317	168.762	0	0	157.474	11.288	26.546	0	0	26.225	320	11,9		11,9
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	460.708	347.018	22.034	72.037	19.619	51.727	23.530	4.859	22.061	1.278	408.981	323.489	17.175	49.976	18.341	103.894	92.999	2.315	8.513	68	22,6	25,8	9,4
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	358.579	129.935	29.963	182.536	16.145	166.506	44.670	552	118.519	2.765	192.073	85.265	29.411	64.017	13.380	57.411	54.057	799	2.446	109	16,0	34,3	1,3
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	75.695	45.791	14.888	9.734	5.282	18.662	11.697	4.058	2.033	874	57.033	34.094	10.830	7.701	4.408	9.878	7.014	2.864	0	0	13,0	16,3	0,0
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	29.715	8.191	0	19.817	1.707	15.922	3.912	0	11.493	517	13.793	4.279	0	8.324	1.190	3.229	3.229	0	0	0	10,9		0,0
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	45.510	0	0	41.437	4.072	27.305	0	0	25.010	2.294	18.205	0	0	16.427	1.778	938	0	0	860	78	2,1		2,1
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	70.087	0	0	69.391	696	61.751	0	0	61.470	281	8.336	0	0	7.921	415	37	0	0	7	30	0,1		0,1
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	56.416	17.428	568	36.135	2.285	15.798	3.668	0	10.903	1.227	40.618	13.760	568	25.232	1.058	501	225	0	254	21	0,9	1,3	0,7



PHỤ LỤC SỐ 2

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
NĂM 2025 GIA LAI TÂY

(Kèm theo Báo cáo số: 13 /BC-UBND ngày 21 /7/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán được sử dụng trong năm 2025 (gồm vốn chuyển sang 2025 tiếp tục thực hiện và vốn phân					Dự toán năm trước chuyển sang năm 2025					Vốn phân bổ năm 2025					Giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)		
	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN				
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
																			1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG	1.374.836	585.866	191.965	560.821	36.184	453.223	123.963	26.310	293.498	9.452	921.613	461.903	165.655	267.323	26.732	276.002	173.813	63.948	37.912	329	20,1	30,6	6,4
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	110.357	18.631	62.548	29.177	0	19.774	12.181	5.436	2.156	0	90.583	6.450	57.112	27.021	0	30.063	6.971	22.823	269	0	27,2	36,7	0,9
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	199.306	119.932	78.683	691	0	43.409	30.242	12.903	264	0	155.897	89.690	65.780	427	0	82.242	44.970	37.272	0	0	41,3	41,4	0,0
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	153.952	0	0	149.067	4.885	48.624	0	0	46.753	1.871	105.328	0	0	102.314,00	3.014	26.220	0	0	26.037	183	17,0		17,0
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	339.234	276.433	10.147	47.328	5.326	48.219	20.946	4.003	22.036	1.234	291.015	255.487	6.144	25.292	4.092	71.885	62.247	1.058	8.513	68	21,2	22,1	16,3
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	337.479	120.513	28.104	174.112	14.750	161.081	43.628	212	115.118	2.123	176.398	76.885	27.892	58.994	12.627	52.260	50.005	0	2.255	0	15,5	33,6	1,2
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	52.762	29.199	12.483	6.411	4.668	14.418	9.391	3.756	710	560	38.344	19.808	8.727	5.701	4.108	8.987	6.191	2.796	0	0	17,0	21,6	0,0
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	24.335	8.191	0	15.201	944	15.028	3.912	0	10.777	340	9.307	4.279	0	4.424	604	3.229	3.229	0	0	0	13,3	39,4	0,0
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	39.975	0	0	36.725	3.251	26.370	0	0	24.298	2.073	13.605			12.427	1.178	903	0	0	825	78	2,3		2,3
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	69.071	0	0	68.544	527	61.678	0	0	61.443	235	7.393	0	0	7.101	292	0	0	0	0	0	0,0		0,0
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	48.365	12.967	0	33.565	1.833	14.622	3.663	0	9.943	1.016	33.743	9.304	0	23.622	817	213	200	0	13	0	0,4	1,5	0,0

Ghi chú:
Vốn DTPT mới bổ sung phân bổ đợt 2 từ ngày 01/7/2025: NSTW: 92.987 triệu đồng; NSDP: 25.434 triệu đồng; (Đợt 1: NSTW: 368.916 triệu đồng; NSDP: 135.221 triệu đồng). Trong đó: Huyện Phú Thiện không phân bổ chỉ tiết 264 triệu đồng (NSDP) để hoàn trả vốn tạm ứng của huyện năm 2024
Vốn SN năm 2025 mới phân bổ từ ngày 1/7/2025: NSTW: 267.323 triệu đồng; NSDP: 26.732 triệu đồng.
Huyện Ia Grai bổ sung 5.000 triệu đồng (DTPT) thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 4 năm 2025 (đợt 1).



PHỤ LỤC SỐ 3

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VÀ GIẢI NGÂN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
NĂM 2025 GIA LAI ĐỒNG

(Kèm theo Báo cáo số: 13 /BC-UBND ngày 21 /7/2025 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

Nội dung	Dự toán được sử dụng trong năm 2025 (gồm vốn chuyển sang 2025 tiếp tục thực hiện và vốn phân bổ 2025)					Dự toán năm trước chuyển sang năm 2025					Vốn phân bổ năm 2025					Giải ngân từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025					Tỷ lệ giải ngân (%)		
	Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN		Tổng cộng	Vốn ĐTPT		Vốn SN				
		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP	NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
																			1	2	3	4	5
TỔNG CỘNG	276.503	117.517	19.613	110.821	28.552	27.649	7.883	2.716	13.624	3.426	248.854	109.634	16.897	97.197	25.126	42.674	38.864	2.850	661	298	15,4	30,4	0,7
1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	4.373	2.295	377	1.389	313	3.216	1.201	314	1.389	313	1.157	1.094	63			0	0	0			0,0	0,0	0,0
2. Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	16.763	14.162	2.517	72	12	1.734	746	904	72	12	15.029	13.416	1.613			3.938	3.212	726			23,5	23,6	0,0
3. Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	69.878	0	0	60.158	9.721	6.444	0	0	4.998	1.447	63.434			55.160	8.274	326	0	0	188	138	0,5		0,5
4. Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	121.474	70.586	11.888	24.709	14.293	3.509	2.584	857	25	44	117.966	68.002	11.031	24.684	14.249	32.009	30.752	1.257			26,4	38,8	0,0
5. Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	21.100	9.422	1.859	8.425	1.394	5.425	1.042	340	3.402	641	15.675	8.380	1.519	5.023	753	5.151	4.052	799	190	109	24,4	43,0	3,0
6. Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch	22.933	16.591	2.405	3.323	614	4.244	2.305	302	1.323	314	18.689	14.286	2.103	2.000	300	891	823	68			3,9	4,7	0,0
7. Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em	5.379	0	0	4.616	763	893			716	177	4.486			3.900	586	0	0	0			0,0		0,0
8. Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	5.535	0	0	4.713	822	935			713	222	4.600			4.000	600	35	0	0	35		0,6		0,6
9. Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	1.016	0	0	847	169	73			27	46	943			820	123	37	0	0	7	30	3,6		3,6
10. Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	8.051	4.461	568	2.570	452	1.176	5	0	960	211	6.875	4.456	568	1.610	241	288	25	0	241	21	3,6	0,5	8,7